TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **07**/2018/KDTMST Ngày 17/7/2018 *V/v tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Mạnh Điền ; Ông Nguyễn Hữu Lan ;

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2018/TLST- KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXX – ST ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần SR; Địa chỉ: Khu công nghiệp Đ, thành phố H, tỉnh H; Người đại diện theo pháp luật: Ông S; Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn T; Bà Vũ Thị H; Ông Bùi Văn H; Cùng địa chỉ: Số 2, phố Y, quận H, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/6/2018; Ông H có mặt tại phiên tòa; Bà H, ông T; Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần BT; Địa chỉ: Phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị H; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2017, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 11/10/2017 và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - Công ty cổ phần SR (gọi tắt là SR) trình bày:

Ngày 28/07/2011, SR và Xí nghiệp B thuộc Công ty cổ phần BT (Gọi tắt là BT) đã ký Hợp đồng mua bán số 62/HĐMB-SR với nội dung:

- SR sẽ cung cấp sản phẩm phụ gia bê tông cho BT với chủng loại, số lượng, chất lượng và quy cách hàng hoá theo quy định cụ thể:

- Roadcon – SSA: Đơn giá: 12.300l
- Roadcon – HR1500: Đơn giá: 21.500l
- Roadcon – SR3000S: Đơn giá: 30.000l
- Roadcon – SR3000F: Đơn giá: 30.000l

Quy cách đóng gói hàng hóa : 200l/phuy và 1.000l/thùng.

- BT có trách nhiệm thanh toán cho SR 100% giá trị hàng hóa giao trong tháng trước ngày cuối cùng của tháng tiếp theo.

- Trường hợp BT thanh toán chậm so với thời hạn thì sẽ phải chịu mức phạt lãi suất là 0.1%/1 ngày trên tổng số tiền trả chậm.

- Hai bên tiếp tục ký Phụ lục số 01 của Hợp đồng nêu trên với nội dung: SR cung cấp thêm cho BT sản phẩm Roadcon – SSA2000 với đơn giá 13.800l; Quy cách đóng gói hàng hóa : 200l/phuy và 1.000l/thùng.

- Ngày 28/07/2011, hai bên đã ký Phụ lục số 02 của Hợp đồng nêu trên với nội dung: Gia hạn Hợp đồng này cho tới khi có thỏa thuận thanh lý hợp đồng giữa hai bên.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, SR đã cung cấp đầy đủ, đúng chủng loại, chất lượng hàng hoá và các chứng từ cho BT theo hợp đồng đã ký kết.

- Ngày 01/09/2014, hai bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ, với nội dung: Theo Hợp đồng mua bán số 62/HĐMB - SR, tính đến ngày 27/8/2014, BT còn nợ SR số tiền là: 1.025.990.000 đồng (Một tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng) và có nghĩa vụ phải thanh toán ngay số nợ trên cho SR.

Tuy nhiên, sau khi đối chiếu công nợ, BT mới chỉ thanh toán bằng tiền mặt cho SR là: 65.000.000 đồng vào các ngày 03/10/2014 và 14/02/2015. SR đã nhiều lần yêu cầu BT thanh toán số nợ trên nhưng BT vẫn cố tình né tránh và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận.

SR khởi kiện, yêu cầu BT thanh toán cho SR toàn bộ phần nợ gốc phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 62/HĐMB-SR và lãi suất phát sinh trên nợ gốc theo quy định của pháp luật, cụ thể: Số nợ gốc là: 960.990.000 đồng; Số lãi phát sinh trên nợ gốc tương ứng với mức lãi suất là 150% cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố kể từ ngày 01/09/2014, tạm tính đến ngày 24/05/2018 là: 490.825.000 đồng; Tổng số tiền: 1.451.815.000 đồng (tạm tính đến ngày 24/5/2018).

Bị đơn: BT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên hòa giải, phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có mặt theo triệu tập. Bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo thông báo thụ lý Tòa án đã tống đạt cho các đương sự. Tòa án đã

tiến hành thu thập lời khai và chứng cứ tại trụ sở của bị đơn nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn không có mặt tại trụ sở tại những thời điểm Tòa án thu thập chứng cứ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc và thay đổi một phần yêu cầu thanh toán nợ lãi với bị đơn, cụ thể: Buộc BT thanh toán cho SR toàn bộ phần nợ gốc phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 62/HĐMB-SR là: 960.990.000 đồng và lãi suất phát sinh trên nợ gốc là: 337.307.490 đồng (theo lãi suất cơ bản áp dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng là 9%/năm kể từ ngày 01/09/2014 theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam); Tổng số tiền: 1.298.297.490 đồng. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của SR, nếu BT không thanh toán số nợ gốc nêu trên thì còn phải thanh toán cho S nợ lãi phát sinh trên số nợ gốc theo lãi suất 9% tháng trên số nợ gốc chưa thanh toán.

- Bị đơn – BT đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt họ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của họ, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 70,71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của họ.

+ Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc BT thanh toán cho SR số nợ gốc là: Số nợ gốc là: 960.990.000 đồng; Nợ lãi là: 337.307.490 đồng; Tổng số tiền: 1.298.297.490 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]Về tố tụng:

- Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn trong vụ án là BT

có địa chỉ trụ sở theo đăng ký kinh doanh thuộc phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự

- Việc xét xử vắng mặt BT: BT đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt BT.

[2] Về nội dung:

Ngày 28/07/2011, SR và Xí nghiệp B thuộc BT đã ký Hợp đồng mua bán số 62/HĐMB-SR với nội dung S sẽ cung cấp sản phẩm phụ gia bê tông cho BT và BT có trách nhiệm thanh toán cho S 100% giá trị hàng hóa giao trong tháng trước ngày cuối cùng của tháng tiếp theo. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, SR đã cung cấp đầy đủ, đúng chủng loại, chất lượng hàng hoá và các chứng từ cho B theo hợp đồng đã ký kết. Ngày 01/09/2014, hai bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ, với nội dung: Theo mua bán số 62/HĐMB - SR, tính đến ngày 27/8/2014, BT còn nợ SR số tiền: 1.025.990.000 đồng và có nghĩa vụ phải thanh toán ngay số nợ trên cho SR. BT đã thanh toán bằng tiền mặt cho SR là: 65.000.000 đồng vào các ngày 03/10/2014 và 14/02/2015. SR đã nhiều lần yêu cầu BT thanh toán số nợ trên nhưng B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận nên việc SR khởi kiện, yêu cầu BT thanh toán cho SR toàn bộ phần nợ gốc 960.990.000 đồng phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 62/HĐMB-SR có căn cứ.

Về lãi suất, theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán là 0.1%/ngày trên nợ gốc chưa thanh toán nếu bên mua chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán theo lãi bằng 150% lãi suất cơ bản mà Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng là 13,5% (Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam). Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất quá hạn bằng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng là 9%/năm trên nợ gốc chưa thanh toán. Xét thấy, yêu cầu thanh toán nợ lãi của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận. Hai bên đối chiếu công nợ ngày 01/9/2014 và thỏa thuận BT phải có nghĩa vụ thanh toán ngay nên ngày 01/9/2014 được xác định là ngày tính lãi chậm trả. Theo đó số tiền lãi mà BT phải thanh toán cho S tính đến ngày xét xử là: 337.307.490 đồng.

Về án phí: BT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền chưa thanh toán cho SR. Do yêu cầu của SR được chấp nhận nên SR được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 306 Luật Thương mại; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của SR đối với BT.

2. Buộc BT phải thanh toán cho SR số tiền là 1.298.297.490đ (Một tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi đồng), trong đó: Nợ gốc là: 960.990.000 đồng; Nợ lãi là: 337.307.490 đồng theo Hợp đồng mua bán số 62/HĐMB-SR ngày 28/7/2011 được ký kết giữa SR và BT.

3. BT phải chịu 50.948.900 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho SR số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.000.000 đồng tại biên lai số 05958 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của SR, nếu BT không thi hành khoản tiền nêu trên thì BT phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất 9%/năm trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, sơ thẩm. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Hà Nội; VKSND TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Bắc Từ Liêm;
- Lưu hồ sơ vụ án - VP.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Loan